

Bản án số: 188/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 9 – 2025
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 về: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm D, xã C, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn K, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm D, xã C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 25/7/2025 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/8/2025 nguyên đơn bà Trần Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm do bất đồng quan điểm. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn K.

Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Lê Tứ K1, sinh ngày 10/8/2006 và Lê Trường P, sinh ngày 18/8/2020. Hiện Lê Tứ K1 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Đối với Lê Trường P hiện đang sống cùng với bà khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Lê Trường P, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, do điều kiện đi lại khó khăn nên đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Trần Thị Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Bích T khởi kiện xin ly hôn với ông Lê Văn K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Lê Văn K cư trú tại Khóm D, xã C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Trần Thị Bích T có đơn xin vắng mặt; ông Lê Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Bích T và ông Lê Văn K tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 131/2011 ngày 11/11/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã C, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân giữa bà T và ông K là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà T nhận thấy cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn. Đối với, ông K không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Xét thấy, mâu thuẫn của bà T và ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông K.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Lê Tứ K1, sinh ngày 10/8/2006 và Lê Trường P, sinh ngày 18/8/2020. Hiện Lê Tứ K1 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Khi ly hôn bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con Lê Trường P, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông K không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy, con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ để không làm xáo trộn môi trường sống của con và bà T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định để bà T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Trường P. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Bích T được ly hôn với ông Lê Văn K.

Về nuôi con chung: Đối với con chung tên Lê Tứ K1, sinh ngày 10/8/2006 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Giao con chung Lê Trường P, sinh ngày 18/8/2020 cho bà Trần Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Lê Văn K không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Trần Thị Bích T.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Lê Văn K không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng. Bà Trần Thị Bích T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011588 ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- UBND xã Cái Đôi Vàm;
- (Giấy CNKH số 131 ngày 11/11/2011)
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như